

Số **6368**-QĐ/HVCTQG

Hà Nội, ngày **08** tháng **10** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh, bổ sung Danh mục ngành và Chương trình học bổ sung
kiến thức để dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ**

-
- Căn cứ Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
 - Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;
 - Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thông kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
 - Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;
 - Căn cứ Quyết định số 8488-QĐ/HVCTQG ngày 23/3/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;
 - Căn cứ Quyết định số 2737-QĐ/HVCTQG ngày 05/05/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành Danh mục ngành và Chương trình bổ sung kiến thức để dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ;
 - Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Danh mục ngành và Chương trình bổ sung kiến thức để dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Vụ trưởng Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Cổng thông tin điện tử Học viện,
- Lưu VT, Vụ QLĐT, BD.

**K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Phúc Lâm



**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC NGÀNH VÀ CHƯƠNG TRÌNH
BỔ SUNG KIẾN THỨC ĐỂ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 6368 QĐ/HVCTQG ngày 08 tháng 10 năm 2025
của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

I. NGÀNH TRIẾT HỌC (MÃ SỐ 8229001)

Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Quản lý xã hội	1. Lịch sử triết học Việt Nam (02 tín chỉ) 2. Lịch sử triết học phương Đông (02 tín chỉ) 3. Lịch sử triết học Mác (02 tín chỉ) 4. Lịch sử triết học phương Tây hiện đại (02 tín chỉ)	

II. NGÀNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (MÃ SỐ 8229008)

Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Hành chính học (Quản lý nhà nước)	1. Lịch sử tư tưởng XHCN (02 tín chỉ) 2. Nguyên lý CNXHKKH (02 tín chỉ) 3. Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CHXH ở Việt Nam (02 tín chỉ) 4. Tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội (02 tín chỉ)	

III. NGÀNH TÔN GIÁO HỌC (MÃ SỐ 8229009)

Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Hành chính học (Quản lý nhà nước)	1. Tôn giáo trên thế giới và đặc điểm tôn giáo Việt Nam (02 tín chỉ) 2. Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về tôn giáo (02 tín chỉ) 3. Tôn giáo học đại cương (02 tín chỉ)	

IV. NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ (MÃ SỐ 8310102)

Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Hành chính học	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế (02 tín chỉ) 2. Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ	

	(Quản lý nhà nước)	nghĩa xã hội ở Việt Nam (02 tín chỉ) 3. Kinh tế chính trị về chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh (02 tín chỉ)	
--	--------------------	--	--

V. NGÀNH CHÍNH TRỊ HỌC (MÃ SỐ 8310201)

Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Hành chính học (Quản lý nhà nước)	1. Lịch sử tư tưởng chính trị (02 tín chỉ). 2. Chính trị học Việt Nam (02 tín chỉ) 3. Quyền lực chính trị (02 tín chỉ)	
2	Quản lý xã hội	4. Thể chế chính trị thế giới đương đại (02 tín chỉ)	

VI. NGÀNH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC (MÃ SỐ 8310202)

Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Quản lý xã hội	1. Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng (03 tín chỉ) 2. Lý luận chung về nhà nước và xây dựng chính quyền nhà nước (03 tín chỉ)	
2	Hành chính học (Quản lý nhà nước)	3. Xây dựng Đảng và chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ (02 tín chỉ)	

VII. NGÀNH HỒ CHÍ MINH HỌC (MÃ SỐ 8310204)

Ngành phù hợp nhóm 1:

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Hành chính học (Quản lý nhà nước)	1. Tiểu sử Hồ Chí Minh (02 tín chỉ) 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng, Nhà nước và Mặt trận dân tộc thống nhất (02 tín chỉ) 3. Phương pháp cách mạng và phong cách Hồ Chí Minh (02 tín chỉ).	

VIII. NGÀNH XÃ HỘI HỌC (MÃ SỐ 8310301)

Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Quản lý xã hội	1. Xã hội học đại cương (02 tín chỉ)	
2	Hành chính học (Quản lý nhà nước)	2. Lịch sử Xã hội học (02 tín chỉ) 3. Lý thuyết Xã hội học (02 tín chỉ) 4. Xã hội học Mác-xít (02 tín chỉ)	

IX. NGÀNH VĂN HÓA HỌC (MÃ SỐ 8229040)

Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Quản lý xã hội	1. Lý luận văn hóa Mác – Lênin (02 tín chỉ) 2. Giao lưu văn hóa (02 tín chỉ) 3. Văn hóa dân gian (02 tín chỉ)	

X. QUAN HỆ QUỐC TẾ (MÃ SỐ 8310206)

Ngành phù hợp nhóm 1

TT	Tên ngành	Các học phần học bổ sung	Ghi chú
1	Hành chính học (Quản lý nhà nước)	1. Lịch sử quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay (02 tín chỉ). 2. Các vấn đề toàn cầu hiện nay (02 tín chỉ)	

XI. NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ (MÃ SỐ 8310110)

Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Hành chính học (Quản lý nhà nước)	1. Khoa học quản lý (02 tín chỉ) 2. Quản lý nhà nước về kinh tế (02 tín chỉ). 3. Kinh tế lượng (02 tín chỉ)	

XII. NGÀNH LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT (MÃ SỐ 8380106)

Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Hành chính học (Quản lý nhà nước)	1. Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới (02 tín chỉ). 2. Lý luận về nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (02 tín chỉ). 3. Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam (02 tín chỉ). 4. Các học thuyết về nhà nước và pháp luật (02 tín chỉ).	

XIII. NGÀNH LÃNH ĐẠO HỌC (MÃ SỐ 8340408)

Ngành phù hợp nhóm 1

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Hành chính học (Quản lý nhà nước)	1. Nhập môn Lãnh đạo học (02 tín chỉ) 2. Khoa học quản lý (02 tín chỉ) 3. Chính sách công (02 tín chỉ)	



XIV. NGÀNH PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI (MÃ SỐ 8380109)**Ngành phù hợp nhóm 2**

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Giáo dục pháp luật	1. Lý luận về nhà nước và pháp luật (02 tín chỉ) 2. Luật Hiến pháp Việt Nam (02 tín chỉ) 3. Luật Hình sự và tố tụng hình sự (02 tín chỉ) 4. Công pháp quốc tế (02 tín chỉ)	Điều chỉnh tại Quyết định số 2737-QĐ/HVCTQG ngày 05/05/2025
2	Hành chính học (Quản lý nhà nước)		
3	Quản lý công		
4	Công tác xã hội		
5	Công tác thanh thiếu niên		
6	Xã hội học		
7	Nhân học		
8	Chính trị học		
9	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước		
10	Giáo dục công dân		

XV. NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA (MÃ SỐ 8229042)**Ngành phù hợp nhóm 2**

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Hành chính học (Quản lý nhà nước)	1. Lý luận văn hóa Mác- Lênin (02 tín chỉ). 2. Văn hóa dân gian (02 tín chỉ). 3. Giao lưu văn hóa (02 tín chỉ).	

XVI. NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (NGÀNH THÍ ĐIỂM)**1. Ngành phù hợp nhóm 2**

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Hành chính học (Quản lý nhà nước)	1. Lý luận về quản lý nhà nước (02 tín chỉ). 2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (Phần I và Phần II). (02 tín chỉ) 3. Khoa học quản lý (02 tín chỉ).	
2	Các ngành thuộc nhóm ngành “Luật”		